

# GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG

(Áp dụng đối với khách hàng cá nhân)

Số: \_\_\_\_\_

\*Quý khách vui lòng điền đầy đủ các thông tin dưới đây:

## 1 ĐĂNG KÝ MỞ THẺ TÍN DỤNG

Hạn mức tín dụng mong muốn: \_\_\_\_\_ triệu đồng.

Chọn loại thẻ:



VIETBANK VISA MY STYLE



VIETBANK VISA LUXURY

Trường hợp Quý khách không được cấp loại thẻ/hạn mức như yêu cầu, Ngân hàng sẽ cấp loại thẻ/hạn mức khác nếu Quý khách đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng.

## 2 THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Họ và tên (Như trên CMND/CCCD/HC): \_\_\_\_\_

Tên in trên thẻ (Chữ in hoa không dấu, tối đa 19 ký tự kể cả khoảng trắng)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày sinh: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ Giới tính:  Nam  Nữ Quốc tịch: \_\_\_\_\_

Số CMND/CCCD/HC: \_\_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_

ĐTDD: \_\_\_\_\_ ĐT bàn: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Địa chỉ hộ khẩu: \_\_\_\_\_

• Phường/Xã: \_\_\_\_\_ Quận/Huyện: \_\_\_\_\_ Tỉnh/TP: \_\_\_\_\_

Địa chỉ hiện tại: \_\_\_\_\_

• Phường/Xã: \_\_\_\_\_ Quận/Huyện: \_\_\_\_\_ Tỉnh/TP: \_\_\_\_\_

• Nhà đang ở hiện tại:  Nhà riêng  Nhà bố mẹ  Khác: \_\_\_\_\_

Nhà thuê, chi phí: \_\_\_\_\_ triệu đồng/tháng

• Thời gian cư trú tại địa chỉ ở hiện tại: \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng

Tình trạng hôn nhân:  Độc thân  Đã lập gia đình  Ly hôn  Khác

Học vấn:  Phổ thông  Trung cấp  Cao đẳng/Đại học  Sau ĐH

Thông tin xác thực:

Tên trường học đầu tiên \_\_\_\_\_  Màu yêu thích \_\_\_\_\_  Khác \_\_\_\_\_

### 3 THÔNG TIN NGHỀ NGHIỆP

Tình trạng làm việc:  Toàn thời gian  Bán thời gian  Nhà ở/Nội trợ  Về hưu  
 Chủ doanh nghiệp  Tự KD/Hộ KH cá thể  Hưởng lương theo hoa hồng  
(Trường hợp Ở nhà/Nội trợ không điền các mục thông tin việc làm bên dưới)

Tên Đơn vị đang công tác/làm chủ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ làm việc: \_\_\_\_\_

• Phường/Xã: \_\_\_\_\_ Quận/Huyện: \_\_\_\_\_ Tỉnh/TP: \_\_\_\_\_

Phòng ban: \_\_\_\_\_ ĐT bàn: \_\_\_\_\_ Số máy lẻ: \_\_\_\_\_

Chức danh: \_\_\_\_\_ Thâm niên công tác tại Đơn vị hiện tại: \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng

Chức vụ:  TV góp vốn/Chủ DN  NV/Chuyên viên  Trưởng/Phó phòng hoặc tương đương  
 Ban điều hành  Khác: \_\_\_\_\_

Loại hình DN:  Trách nhiệm hữu hạn  DN tư nhân  Cty Liên doanh  Cổ phần  
 DN nhà nước  Cơ quan HC-SN  Khác: \_\_\_\_\_

Lĩnh vực hoạt động:  Giáo dục  Viễn thông  DL/NH/KS  Y tế  
 Tài chính ngân hàng  Giải trí  Xây dựng  Địa ốc  
 Thương mại dịch vụ  Sản xuất  Nông nghiệp  Vận tải  
 Khác: \_\_\_\_\_

Quy mô công ty:  <20 người  20-100 người  >100 người

### 4 THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Tổng thu nhập: \_\_\_\_\_ triệu đồng/tháng

Tổng chi phí: \_\_\_\_\_ triệu đồng/tháng

Số người phụ thuộc: \_\_\_\_\_ người

Số lượng thẻ tín dụng đang sở hữu: \_\_\_\_\_ thẻ

Hạn mức thẻ tín dụng cao nhất: \_\_\_\_\_ triệu đồng

Hạng thẻ: \_\_\_\_\_ Ngân hàng: \_\_\_\_\_

Khoản vay khác:

Không có khoản vay nào

Có

Tín chấp (Hạn mức: \_\_\_\_\_ triệu đồng)

Thế chấp (Hạn mức: \_\_\_\_\_ triệu đồng)

### 5 THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Khoản cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;

Khách hàng cá nhân bảo đảm bằng tiền gửi VND tại Vietbank, chi tiết như sau:

STT	Đơn vị phát hành	Sêri/số TTK	Số tiền	Ngày phát hành

Khoản cấp tín dụng có tài sản bảo đảm, cụ thể:

- Loại Tài sản bảo đảm: \_\_\_\_\_
- Chủ Tài sản bảo đảm: \_\_\_\_\_
- Số Hợp đồng bảo đảm đã ký với Vietbank (nếu có): \_\_\_\_\_

### 6 THÔNG TIN NGƯỜI HÔN PHỐI

Họ và tên: \_\_\_\_\_

Số CMND/CCCD/HC: \_\_\_\_\_

ĐTDD: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

**Thông tin nghề nghiệp:**

Tên doanh nghiệp: \_\_\_\_\_

Địa chỉ làm việc: \_\_\_\_\_

• Phường/Xã: \_\_\_\_\_ Quận/Huyện: \_\_\_\_\_ Tỉnh/TP: \_\_\_\_\_

Phòng ban: \_\_\_\_\_ Chức vụ: \_\_\_\_\_ ĐT bàn: \_\_\_\_\_

## 7 THÔNG TIN NGƯỜI THÂN

Mối quan hệ:  Bố/Mẹ  Anh/Chị/Em  Khác: \_\_\_\_\_  
Họ và tên: \_\_\_\_\_  
ĐTDD: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ hiện tại: \_\_\_\_\_  
• Phường/Xã: \_\_\_\_\_ Quận/huyện: \_\_\_\_\_ Tỉnh/TP: \_\_\_\_\_

## 8 ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ THANH TOÁN TỰ ĐỘNG

Tôi đề nghị Vietbank thanh toán tự động các khoản nợ thẻ tín dụng của Tôi/Chúng tôi trước hoặc ngay Ngày trả trước số tiền tối thiểu đối với thẻ tín dụng bằng cách ghi nợ vào tài khoản thanh toán tại Vietbank của Tôi/Chúng tôi theo thông tin sau:

Tên chủ tài khoản: \_\_\_\_\_  
Số tài khoản: \_\_\_\_\_ Tại Vietbank: \_\_\_\_\_  
Tỷ lệ thanh toán dư nợ thẻ tín dụng:  Toàn bộ dư nợ  Tối thiểu

## 9 ĐĂNG KÝ THẺ PHỤ

- Mỗi thẻ chính được mở tối đa 2 thẻ phụ. Thẻ phụ cùng loại thẻ với thẻ chính.
- Hạn mức tín dụng của thẻ phụ tối thiểu từ mức Vietbank quy định, tối đa bằng hạn mức tín dụng của thẻ chính.

### CHỦ THẺ PHỤ 1

Mối quan hệ:  Bố/Mẹ  Anh/Chị/Em  Khác: \_\_\_\_\_  
Họ và tên (Như trên CMND/CCCD/HC): \_\_\_\_\_  
Tên in trên thẻ (Chữ in hoa không dấu, tối đa 19 ký tự kể cả khoảng trắng)  
\_\_\_\_\_  
Ngày sinh: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ Giới tính:  Nam  Nữ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Số CMND/CCCD/HC: \_\_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
ĐTDD: \_\_\_\_\_ ĐT bàn: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ hộ khẩu: \_\_\_\_\_  
• Phường/Xã: \_\_\_\_\_ Quận/Huyện: \_\_\_\_\_ Tỉnh/TP: \_\_\_\_\_  
Hạn mức tín dụng:  Bằng thẻ chính  Khác: \_\_\_\_\_ triệu đồng  
(Bằng chữ: \_\_\_\_\_)

### CHỦ THẺ PHỤ 2

Mối quan hệ:  Bố/Mẹ  Anh/Chị/Em  Khác: \_\_\_\_\_  
Họ và tên (Như trên CMND/CCCD/HC): \_\_\_\_\_  
Tên in trên thẻ (Chữ in hoa không dấu, tối đa 19 ký tự kể cả khoảng trắng)  
\_\_\_\_\_  
Ngày sinh: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ Giới tính:  Nam  Nữ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Số CMND/CCCD/HC: \_\_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
ĐTDD: \_\_\_\_\_ ĐT bàn: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ hộ khẩu: \_\_\_\_\_  
• Phường/Xã: \_\_\_\_\_ Quận/Huyện: \_\_\_\_\_ Tỉnh/TP: \_\_\_\_\_  
Hạn mức tín dụng:  Bằng thẻ chính  Khác: \_\_\_\_\_ triệu đồng  
(Bằng chữ: \_\_\_\_\_)

## 10 THÔNG TIN NHẬN THẺ VÀ BẢNG THÔNG BÁO GIAO DỊCH

### Địa chỉ nhận thẻ:

- Địa chỉ hộ khẩu       Địa chỉ hiện tại       Địa chỉ làm việc       TTKD Vietbank: \_\_\_\_\_
- Địa chỉ khác: \_\_\_\_\_
- Phường/Xã: \_\_\_\_\_ Quận/huyện: \_\_\_\_\_ Tỉnh/TP: \_\_\_\_\_

**Thông báo giao dịch hàng tháng sẽ được gửi mặc định đến địa chỉ Email của Quý khách. Trường hợp không có Email, thông báo giao dịch gửi về:**

- Địa chỉ hộ khẩu       Địa chỉ hiện tại       Địa chỉ làm việc

### Hình thức nhận thông tin ưu đãi của Vietbank:

Tôi đồng ý nhận các thông tin ưu đãi, các chương trình khuyến mãi của Vietbank qua Email, SMS và các hình thức khác.

## 11 TUÂN THỦ FATCA

Thẻ Chính    Thẻ Phụ

- |  |                          |                          |
|--|--------------------------|--------------------------|
| • Là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ;   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| • Có nơi sinh tại Hoa Kỳ;  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| • Có địa chỉ gửi thư hoặc nơi cư trú hiện hành ở Hoa Kỳ (bao gồm hộp nhận thư ở bưu điện Hoa Kỳ);  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| • Có số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ;  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| • Có chỉ định định kỳ chuyển khoản vào một tài khoản mở tại Hoa Kỳ hay định kỳ nhận tiền từ một tài khoản mở tại Hoa Kỳ;                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| • Giấy ủy quyền hoặc ủy quyền ký tên hiện đang có hiệu lực cấp cho người có địa chỉ ở Hoa Kỳ;  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| • Có địa chỉ “nhờ chuyển thư” hay địa chỉ “giữ thư” (địa chỉ nhận thư tại Hoa Kỳ) mà địa chỉ đó là địa chỉ duy nhất đối với khách hàng tại Hoa Kỳ. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

## 12 PHẦN XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

- Tôi/Chúng tôi xác nhận chi tiết các thông tin nêu trên là chính xác và đầy đủ. Tôi/Chúng tôi đồng ý để Vietbank xác thực các thông tin nêu trên từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà Vietbank cho là phù hợp.
- Tôi/Chúng tôi đồng ý để Vietbank phong tỏa số dư tiền gửi và/hoặc tất toán (các) Thẻ tiết kiệm nêu tại mục 5 Giấy đề nghị này với số tiền phong tỏa tối thiểu bằng với tổng hạn mức thẻ tín dụng Vietbank cấp trong suốt thời hạn thẻ tín dụng còn hiệu lực và số tiền còn lại sau khi được phong tỏa sẽ áp dụng lãi tiền gửi theo từng sản phẩm huy động và cam kết:
  - Khi Tôi/Chúng tôi có đề nghị giải tỏa số dư tiền gửi và/hoặc tất toán (các) Thẻ tiết kiệm nêu trên thì Tôi/Chúng tôi phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ Thẻ tín dụng (bao gồm dư nợ hiện tại; các khoản chưa bút toán (chưa báo Nợ: phí, lãi dự thu) tính đến ngày thanh toán và/hoặc Vietbank được quyền thu hồi toàn bộ dư nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt... của tất cả các thẻ tín dụng đã cấp cho Tôi/Chúng tôi bằng cách tự động trích thu tiền từ Thẻ tiết kiệm và/hoặc tài khoản thanh toán của Tôi/Chúng tôi tại Vietbank khi Vietbank thanh lý, thu hồi thẻ tín dụng đã cấp cho Tôi/Chúng tôi và giải tỏa, tất toán Thẻ tiết kiệm cho Tôi/Chúng tôi.
  - Nếu Tôi/Chúng tôi phát sinh chậm thanh toán sau ngày đến hạn thanh toán/Nợ nhóm 2 bao gồm các khoản nợ (gốc, lãi, phí, phạt...) khi sử dụng (các) thẻ tín dụng của Vietbank đã cấp, Tôi/Chúng tôi đồng ý để Vietbank được quyền trích thu tiền từ (các) Thẻ tiết kiệm nêu trên để thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt của các thẻ tín dụng đã cấp cho Tôi/Chúng tôi và thanh lý, thu hồi thẻ tín dụng đã cấp cho Tôi/Chúng tôi.
- Sau khi Tôi/Chúng tôi đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Vietbank thì Tôi/Chúng tôi mới được quyền giải tỏa và sử dụng Thẻ tiết kiệm. Số dư tiền gửi còn lại từ (các) Thẻ tiết kiệm của Tôi/Chúng tôi sau khi Vietbank trích thu sẽ được chuyển sang tài khoản thanh toán của Tôi/Chúng tôi tại Vietbank và tôi đồng ý lãi suất tiền gửi đối với các thẻ tiết kiệm sẽ được áp dụng theo quy định tại Vietbank, pháp luật có liên quan.
- Sau khi Tôi/Chúng tôi chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng mà Thẻ tín dụng của Tôi/Chúng tôi còn dư nợ, lãi, phí, phạt bất kỳ đã phát sinh trước ngày chấm dứt thẻ chưa được Tôi/Chúng tôi thanh toán, thì Tôi/Chúng tôi cam đoan sẽ nộp/thanh toán ngay toàn bộ số tiền còn thiếu cho Vietbank trong thời hạn do Vietbank yêu cầu, trường hợp Tôi/Chúng tôi không thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn thì Vietbank có quyền tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào của Tôi/Chúng tôi tại Vietbank và/hoặc xử lý bất kỳ tài sản nào của Tôi/Chúng tôi để thu hồi nợ.
- Trường hợp Tôi/Chúng tôi được Vietbank cấp tín dụng dưới bất kỳ hình thức nào (tại bất kỳ thời điểm nào) và có bảo đảm thì nghĩa vụ bảo đảm của tài sản đó đương nhiên bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán của Tôi/Chúng tôi phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ. Việc Tôi/Chúng tôi bị chấm dứt cấp tín dụng tại Vietbank vì bất cứ lý do gì có thể dẫn đến việc chấm dứt sử dụng thẻ và/hoặc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Vietbank.

6. Bằng việc ký vào Giấy đề nghị này, Tôi/Chúng tôi đã đọc và đồng ý việc sử dụng và sẽ tuân thủ nội dung của các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, cùng với Giấy đề nghị này sẽ tạo nên một hợp đồng ràng buộc về mặt pháp lý giữa Tôi/Chúng tôi với Vietbank và được lưu giữ bởi Vietbank. Trường hợp không được Vietbank cung ứng dịch vụ, Tôi/Chúng tôi đồng ý không yêu cầu nhận lại hồ sơ đã cung cấp.
7. Điều khoản và điều kiện các nội dung điều chỉnh, bổ sung của việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng sẽ được công bố tại website chính thức của Vietbank ([www.vietbank.com.vn](http://www.vietbank.com.vn)) hoặc tại các điểm giao dịch của Vietbank.

Ngày \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_

**Chữ ký chủ thẻ chính**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_

**Chữ ký chủ thẻ phụ 1**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_

**Chữ ký chủ thẻ phụ 2**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

#### CHỮ KÝ CỦA BÊN BẢO ĐẢM

(Trường hợp bảo đảm bằng tài sản của tổ chức / cá nhân khác)

Ngày \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_

(Ký và ghi rõ họ tên)

#### PHẦN DÀNH CHO ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Nguồn khách hàng:  Hiện hữu  Kênh hỗ trợ  Mới  
Phương thức bán hàng:  Bán hàng trực tiếp  Phối hợp CTV  Phối hợp TTDVKH

Mã chương trình: \_\_\_\_\_

**Thông tin phối hợp bán hàng** (CBNV/CTV/Người giới thiệu):

Tên tổ chức/Cá nhân: \_\_\_\_\_

Số CMND/ĐKKD/MSNV: \_\_\_\_\_ Sales ID (CIF): \_\_\_\_\_

ĐTDD: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Đơn vị tiếp nhận (Mã-Tên TTKD/BP.KDT): \_\_\_\_\_

**Thông tin NV quản lý thẻ** (dành cho trường hợp CTV/Người giới thiệu):

Họ tên: \_\_\_\_\_ Sales ID (CIF): \_\_\_\_\_

ĐTDD: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Ngày nhận: \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

#### PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

Đồng ý mở thẻ  Không đồng ý mở thẻ

Phê duyệt hạn mức: \_\_\_\_\_ triệu đồng  
(Bằng chữ: \_\_\_\_\_)

Hình thức đảm bảo: \_\_\_\_\_

Ngày chốt thông báo giao dịch: \_\_\_\_\_ hàng tháng

Lãi suất tại thời điểm làm thẻ: \_\_\_\_\_/năm

Ngày \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_

**Trưởng đơn vị**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

# ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG

## NHẬN THỨC CHUNG

Điều khoản và Điều kiện dưới đây áp dụng cho việc phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank). Điều khoản và Điều kiện này cùng với Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng thẻ tạo thành một Hợp đồng tín dụng ràng buộc giữa Vietbank và Chủ thẻ cho việc phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng tại Vietbank (gọi tắt là Hợp đồng). Chủ thẻ có trách nhiệm xem xét và đọc kỹ nội dung của Điều Khoản và Điều Kiện này trước khi sử dụng Thẻ.

### 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1 Đơn vị phát hành Thẻ: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- 1.2 Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (gọi tắt là Giấy đề nghị): là giấy đề nghị theo mẫu của Vietbank được điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu và nộp lại để cho Vietbank xem xét có chấp thuận người nộp giấy đề nghị là Chủ thẻ hay không, và Giấy đề nghị này là một phần của Hợp đồng.
- 1.3 Thẻ tín dụng (gọi tắt là Thẻ): là Thẻ do Vietbank phát hành, cho phép Chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi hạn mức thẻ tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với Vietbank.
- 1.4 Tài khoản thẻ tín dụng (gọi tắt là Tài khoản): là tài khoản để quản lý các giao dịch phát sinh trên Thẻ. Chủ thẻ phụ sử dụng chung tài khoản với Chủ thẻ chính.
- 1.5 Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number – viết tắt là PIN): là mã số mật được Vietbank cung cấp cho Chủ thẻ lần đầu và sau đó Chủ thẻ thay đổi theo quy trình được xác định để sử dụng trong các giao dịch thẻ.
- 1.6 Máy giao dịch tự động (Automated Teller Machine – viết tắt là ATM): là thiết bị mà Chủ thẻ có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hàng hóa, dịch vụ, văn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin Thẻ hoặc các giao dịch khác.
- 1.7 Chủ thẻ: là cá nhân hoặc tổ chức được Vietbank cung cấp thẻ tín dụng để sử dụng, bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ.
- 1.8 Chủ thẻ chính: là cá nhân hoặc tổ chức đứng tên ký Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ với Vietbank, chịu trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các Giao dịch và tất cả lãi suất, phí, lệ phí phát sinh trên Tài khoản này.
- 1.9 Thẻ phụ: là Thẻ tín dụng phụ được phát hành trên cùng một Tài khoản của Chủ thẻ chính để cho Chủ thẻ phụ sử dụng theo chỉ định của Chủ thẻ chính.
- 1.10 Chủ thẻ phụ: là cá nhân được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng Thẻ và Chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.
- 1.11 Mã tổ chức phát hành thẻ (Bank Identification Number - viết tắt là BIN): là một dãy chữ số nhằm xác định Tổ chức phát hành thẻ.
- 1.12 Tổ chức phát hành thẻ (viết tắt là TCPHT): là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện phát hành thẻ theo quy định của pháp luật.
- 1.13 Tổ chức thanh toán Thẻ (viết tắt là TCTTT): là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện dịch vụ thanh toán thẻ theo quy định của pháp luật.
- 1.14 Tổ chức thẻ quốc tế (viết tắt là TCTQT): là tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với các TCPHT, TCTTT và các bên liên quan khác để hợp tác phát hành và thanh toán thẻ có mã TCPHT do TCTQT cấp phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.
- 1.15 Đơn vị chấp nhận Thẻ (viết tắt là ĐVCNT): là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa và dịch vụ bằng Thẻ theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với TCTTT.
- 1.16 Dư nợ: là số tiền mà Chủ thẻ đã sử dụng bao gồm: các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ.
- 1.17 Dư nợ gốc: là số tiền mà Chủ thẻ đã sử dụng bao gồm: các giao dịch thẻ (không bao gồm phí, lãi phát sinh).
- 1.18 Giao dịch Thẻ: là việc sử dụng Thẻ để gửi, rút tiền mặt, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và sử dụng các dịch vụ khác do Vietbank, TCTTT cung ứng.
- 1.19 Giao dịch rút tiền mặt: là việc sử dụng Thẻ để rút tiền mặt.
- 1.20 Giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ: là việc sử dụng Thẻ để thanh toán các hàng hóa và/hoặc các dịch vụ.
- 1.21 Giao dịch thanh toán trực tuyến: là việc sử dụng Thẻ để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trực tuyến trên các website của ĐVCNT có kết nối với hệ thống thanh toán trực tuyến của Vietbank và/hoặc đối tác của Vietbank.
- 1.22 Số thẻ: là dãy số bao gồm 16 chữ số được in trên Thẻ. Chủ thẻ dùng Số thẻ để thực hiện các giao dịch liên quan đến tính năng của Thẻ.
- 1.23 Hạn mức thẻ tín dụng của Chủ thẻ (sau đây gọi tắt là HMTTD): là mức dư nợ tối đa cấp cho mỗi Chủ thẻ để sử dụng trong một thời gian nhất định.
- 1.24 Hạn mức khả dụng của Thẻ: là số tiền mà Chủ thẻ còn có thể sử dụng trong phạm vi HMTTD được cấp.
- 1.25 Số tiền thanh toán tối thiểu (gọi tắt là Số tiền tối thiểu hay mức trả nợ tối thiểu): là khoản tiền tối thiểu mà Chủ thẻ cam kết sẽ trả cho Vietbank theo yêu cầu của Vietbank tại bản Thông báo giao dịch được gửi cho Chủ thẻ. Số tiền tối thiểu được xác định bằng công thức sau:  
**Số tiền tối thiểu = A+B+C**  
Trong đó:
  - A là số tiền tính theo tỷ lệ yêu cầu thanh toán trên tổng dư nợ cuối kỳ. Tỷ lệ này được quy định cụ thể đối với từng sản phẩm thẻ tín dụng.
  - B là số tiền vượt HMTTD phát sinh trong kỳ, không bao gồm số tiền vượt HMTTD đã được tính trong Số tiền tối thiểu của thông báo giao dịch kỳ trước nhưng chưa được thanh toán.
  - C là một phần hoặc toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu của thông báo giao dịch kỳ trước chưa được thanh toán.
- 1.26 Thông báo giao dịch (viết tắt là TBGD): là tài liệu do Vietbank lập để thông báo cho Chủ thẻ liệt kê tất cả các giao dịch, tiền lãi, phí, điều chỉnh (nếu có) và Số tiền tối thiểu phải trả, số dư nợ quá hạn của Chủ thẻ.
- 1.27 Ngày lập TBGD: là ngày Vietbank lập TBGD theo định kỳ hàng tháng. Ngày lập TBGD do Vietbank quy định cụ thể đối với từng sản phẩm thẻ tín dụng.
- 1.28 Kỳ: là khoảng thời gian giữa 2 lần lập TBGD liên tiếp.
- 1.29 Ngày trả trước số tiền tối thiểu: là ngày mà Chủ thẻ cam kết sẽ trả trước Số tiền tối thiểu được thể hiện trên TBGD. Sau ngày này, nếu Chủ thẻ không trả trước hoặc trả không đủ Số tiền tối thiểu cho Vietbank thì:
  - a. Chủ thẻ sẽ chịu một khoản phí do vi phạm cam kết giữa Vietbank và Chủ thẻ;
  - b. Đồng thời Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán Số tiền tối thiểu trước Ngày đến hạn thanh toán số tiền tối thiểu để tránh chuyển nhóm nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 1.30 Ngày đến hạn thanh toán số tiền tối thiểu: là ngày lập TBGD của kỳ thứ ba (03) mà Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền tối thiểu của kỳ TBGD thứ nhất (01). Sau Ngày đến hạn thanh toán số tiền tối thiểu, Vietbank sẽ thực hiện chuyển nhóm nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với số tiền tối thiểu đã đến hạn nhưng chưa được thanh toán theo thỏa thuận giữa Vietbank và Chủ thẻ.
- 1.31 Ngày chuyển nợ quá hạn: là ngày liền kề sau Ngày đến hạn thanh toán số tiền tối thiểu.
- 1.32 Ngày làm việc: là ngày mà không phải là ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ tại Việt Nam, hoặc theo quy định của Vietbank trong từng thời kỳ.
- 1.33 Tài sản bảo đảm: là tiền ký quỹ, thẻ tiết kiệm, tiền gửi, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của Vietbank, được Vietbank chấp nhận làm tài sản bảo đảm cho việc sử dụng HMTTD của Chủ thẻ.
- 1.34 Chấm dứt: là việc hủy bỏ quyền sử dụng Thẻ bao gồm tất cả các đặc quyền, tiện ích của Thẻ.



- 1.35 Thời hạn sử dụng Thẻ: là thời hạn Chủ thẻ được sử dụng Thẻ và được ghi trên Thẻ.
- 1.36 Lãi suất: là lãi suất áp dụng đối với các khoản vay thông qua phát hành Thẻ, bao gồm:
  - a. Lãi suất thẻ tín dụng: là lãi suất áp dụng đối với dư nợ của Thẻ theo thỏa thuận giữa Vietbank và Chủ thẻ.
  - b. Lãi suất quá hạn: là lãi suất áp dụng đối với dư nợ của Thẻ đang trong tình trạng quá hạn, mức lãi suất và thời điểm bắt đầu áp dụng lãi quá hạn được Vietbank quy định trong từng thời kỳ.
- 1.37 Các hành vi bị nghiêm cấm đối với Chủ thẻ:
  - a. Làm, sử dụng, chuyển nhượng và lưu trữ thẻ giả.
  - b. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ).
  - c. Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ; tiết lộ và cung cấp thông tin thẻ, chủ thẻ và giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật.
  - d. Xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập trái phép, phá hủy chương trình hoặc cơ sở dữ liệu của hệ thống phát hành, thanh toán thẻ, chuyển mạch thẻ, bù trừ điện tử giao dịch thẻ.
  - e. Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
  - f. Mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ, mở hộ thẻ (trừ trường hợp thẻ trả trước vô danh)
- 1.38 Vietbank từ chối phát hành thẻ nếu chủ thẻ không đáp ứng đầy đủ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.
- 1.39 Quyết định thu hồi thẻ trong quá trình sử dụng nếu Chủ thẻ không thực hiện đầy đủ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.
- 1.40 Vietbank có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ phát sinh đối với các giao dịch thẻ theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.

## SỬ DỤNG THẺ

### 2. Trách nhiệm thanh toán của Chủ thẻ

- 2.1 Kể từ thời điểm ký xác nhận đã nhận được Thẻ, Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch Thẻ cùng với các khoản phí, chi phí phát sinh trên Tài khoản Thẻ do việc sử dụng Thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo qui định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Vietbank mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác.
- 2.2 Trách nhiệm thanh toán của Chủ thẻ sẽ tiếp tục có hiệu lực trong trường hợp Thẻ được làm mới hay được thay thế bởi Vietbank hoặc theo yêu cầu của Chủ thẻ và bao gồm cả trường hợp Thẻ bị chấm dứt vì bất cứ lý do gì.

### 3. Cam kết về sử dụng Thẻ

Chủ thẻ đồng ý không sử dụng Thẻ vào mục đích trái với các quy định của pháp luật và quy định của Vietbank bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi vi phạm quy định về quản lý ngoại hối, đầu tư.

### 4. Giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ, giao dịch thanh toán trực tuyến

- 4.1 Chủ thẻ có thể sử dụng Thẻ thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ, giao dịch thanh toán trực tuyến tại các ĐVCNT, Chủ thẻ phải cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết chính xác mà Vietbank yêu cầu để cấp phép giao dịch.
- 4.2 Vietbank có quyền ghi nợ lên Tài khoản đối với bất kỳ số tiền thực hiện giao dịch của Chủ thẻ. Vietbank không phải chịu trách nhiệm về việc giao hàng hoặc chất lượng hàng hóa và/hoặc dịch vụ được thanh toán thông qua giao dịch mua hàng hoá. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm về những khiếu nại, thỏa thuận, và những vấn đề khác có liên quan trực tiếp với ĐVCNT.

### 5. Giao dịch rút tiền mặt

- 5.1 Chủ thẻ có thể thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và các TCTTT. Trong trường hợp thực hiện giao dịch tại ATM, Chủ thẻ phải sử dụng mã số bảo mật cá nhân (PIN). Được hiểu và thống nhất rằng tất cả những giao dịch rút tiền mặt bằng Thẻ chỉ được thực hiện duy nhất bởi Chủ thẻ. Chủ thẻ tuyệt đối không đòi hỏi việc xuất trình chứng từ liên quan đến bất kỳ Giao dịch Thẻ nào, và nhận thức rằng những dữ liệu lưu giữ lại của Vietbank được cho rằng là hợp lệ.
- 5.2 Vietbank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất cứ hậu quả hoặc sự thiệt hại, mất mát nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch rút tiền mặt tại ATM, và các TCTTT bao gồm nhưng không giới hạn việc Chủ thẻ không nhận hoặc nhận không hết số tiền được chi.
- 5.3 Vietbank có quyền giới hạn giá trị của mỗi và/hoặc tổng các giao dịch rút tiền mặt trên Thẻ trong một ngày và/hoặc được thay đổi bởi Vietbank mà không cần phải thông báo cho Chủ thẻ.

### 6. Dịch vụ Microsite

Là kênh tương tác giữa Chủ thẻ và Vietbank thông qua dịch vụ Internet Banking và Mobile Banking. Với kênh Microsite, Chủ thẻ có thể đề nghị Vietbank thực hiện các yêu cầu sau:

- 6.1 Xem 10 giao dịch gần nhất;
- 6.2 Thanh toán dư nợ thẻ;
- 6.3 Đăng ký trích nợ tự động;
- 6.4 Khóa/Mở Thẻ;

### 7. Quản lý Thẻ, thông tin Thẻ, PIN

- 7.1 Thẻ, thông tin Thẻ, PIN phải được Chủ Thẻ bảo mật một cách nghiêm ngặt không được tiết lộ cho bất kỳ người nào khác cho dù là tự nguyện hay không.
- 7.2 Bất kỳ giao dịch và những khoản phí, lãi nào phát sinh do việc sử dụng Thẻ hoặc thông tin Thẻ sẽ thuộc trách nhiệm của Chủ thẻ. Chủ thẻ phải thông báo cho Vietbank ngay lập tức nếu Thẻ, thông tin Thẻ, PIN bị mất, bị đánh cắp hay nghi ngờ bị tiết lộ và Chủ thẻ sẽ chịu tất cả các chi phí có liên quan theo quy định của Vietbank và sẽ được thông báo đến cho Chủ thẻ.
- 7.3 Thẻ là tài sản độc quyền của Vietbank và Chủ thẻ không được chuyển nhượng. Thẻ sẽ có giá trị từ ngày được phát hành hoặc được cấp lại cho đến ngày cuối cùng của tháng hết hạn của Thẻ đó. Trong các trường hợp này, Chủ thẻ đồng ý ngưng sử dụng Thẻ và Thẻ sẽ bị thu hồi bởi Vietbank hoặc bởi người được Vietbank ủy quyền. Khi đó, Dư nợ của Chủ thẻ kể cả phí và lãi của tất cả các giao dịch trở lên đến hạn ngay lập tức và bắt buộc Chủ thẻ phải thanh toán mà không cần phải có thông báo.
- 7.4 Chủ thẻ sẽ không sử dụng Thẻ sau khi hết hạn của Thẻ hoặc chấm dứt của hợp đồng bao gồm việc cho phép người khác sử dụng Thẻ vì bất cứ lý do gì sau những sự kiện này; việc tiếp tục sử dụng sau những sự kiện này sẽ được xem như là hành vi gian lận của Chủ thẻ.
- 7.5 Vietbank tự mình quyết định có thể thay đổi số Thẻ và/hoặc ngày hết hạn khi phát hành lại Thẻ mới hoặc thay thế Thẻ cho Chủ thẻ. Chủ thẻ tự chịu trách nhiệm thông báo sự thay đổi này cho bất kỳ bên nào mà Chủ thẻ có thể thực hiện thanh toán giao dịch. Vietbank sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ những giao dịch bị từ chối, dù là theo số Thẻ cũ hay trường hợp khác.

## 8. Thẻ, thông tin Thẻ, PIN bị mất, bị đánh cắp và lạm dụng

- 8.1 Trong trường hợp Thẻ, thông tin Thẻ, PIN bị mất, bị đánh cắp, hay bị sử dụng bởi một người nào khác mà không được sự ủy quyền của Chủ thẻ, thì Chủ thẻ hay người được ủy quyền bởi Chủ thẻ phải thông báo ngay lập tức cho Vietbank. Chủ thẻ sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm về tất cả những Giao dịch bằng Thẻ đã thực hiện trước khi Vietbank hoàn thành việc xử lý thông báo về việc mất, bị đánh cắp hay bị lạm dụng Thẻ, thông tin Thẻ, PIN, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả bởi bất kỳ người nào. Thời hạn Vietbank hoàn thành việc xử lý thông báo nhận được từ Chủ thẻ không quá 05 ngày làm việc đối với thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc 10 ngày làm việc đối với thẻ có BIN do TCTQT cấp kể từ ngày nhận được thông báo của chủ thẻ.
- 8.2 Trong bất kỳ trường hợp nào, Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn cho việc sử dụng Thẻ, thông tin Thẻ, PIN, không giới hạn, nếu Chủ thẻ đã hành động gian lận hay sơ suất trong việc sử dụng hay giữ an toàn Thẻ, thông tin Thẻ, PIN. Chủ thẻ phải cung cấp ngay lập tức bất kỳ thông tin hay bằng chứng theo yêu cầu hợp lý của Vietbank để hỗ trợ cho việc điều tra về việc bị mất, bị đánh cắp hay bị lạm dụng Thẻ, thông tin Thẻ, PIN.

## 9. Thông báo giao dịch

- 9.1 Hàng tháng, Vietbank sẽ gửi cho Chủ thẻ một TBGD theo địa chỉ do Chủ thẻ cung cấp hoặc qua email của Chủ thẻ, ngoại trừ trường hợp không có bất kỳ giao dịch nào phát sinh trên Tài khoản. Ngày gửi TBGD do Vietbank ấn định và sẽ thông báo cho Chủ thẻ khi phát hành Thẻ. TBGD sẽ được xem như là đã được nhận bởi Chủ thẻ hàng tháng trừ khi Chủ thẻ thông báo với Vietbank rằng không nhận được TBGD trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày ra TBGD. TBGD sẽ được xem là đúng, chính xác trừ khi Chủ thẻ thông báo bằng văn bản cho Vietbank bất kỳ sai sót nào trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày ra TBGD.
- 9.2 Bất kể có xảy ra những điều ngược lại, việc không nhận được hay nhận trễ TBGD sẽ không giải trừ Chủ thẻ ra khỏi các nghĩa vụ thanh toán của mình đối với Số tiền tối thiểu trên Tài khoản vào Ngày trả trước số tối thiểu được ghi trong TBGD.

## 10. Hướng dẫn của Chủ thẻ

Chủ thẻ đồng ý cho Vietbank sẽ thực hiện các công việc mà Vietbank cho rằng phù hợp dựa trên các hướng dẫn của Chủ thẻ cho Vietbank. Sự hướng dẫn của Chủ thẻ có thể được thông báo hay trao đổi với Vietbank trong từng thời điểm thông qua thư, điện thoại, fax.

Tuy nhiên, Vietbank có quyền yêu cầu những hướng dẫn này của Chủ thẻ phải được gửi theo một mẫu cụ thể hoặc những hướng dẫn này phải được xác nhận bằng văn bản hoặc dưới hình thức khác trước khi Vietbank thực hiện dựa trên những hướng dẫn này. Vietbank sẽ có quyền xử lý hướng dẫn của Chủ thẻ như được ủy quyền hoàn toàn và Chủ thẻ bị ràng buộc trách nhiệm đối với việc thực hiện các bước liên quan đến việc hướng dẫn này.

## 11. Cập nhật thông tin

Chủ thẻ cam kết thông báo ngay lập tức cho Vietbank về bất kỳ sự thay đổi về thông tin của Chủ thẻ.

## 12. Miễn trừ

Trách nhiệm của Chủ thẻ đối với Vietbank là tuyệt đối, bất kỳ mâu thuẫn tranh chấp giữa Chủ thẻ đối với bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào sẽ không ảnh hưởng đến những nghĩa vụ đang tồn tại của Chủ thẻ đối với Vietbank. Vietbank được miễn trừ khỏi bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà Chủ thẻ gánh chịu do phát sinh từ:

- 12.1 ĐVCNT từ chối chấp nhận Thẻ vì bất kỳ lý do gì;
- 12.2 Bất kỳ sự hư hỏng, sai sót, thiệt hại của bất kỳ ATM và/hoặc bất kỳ thiết bị chấp nhận Thẻ;
- 12.3 Chậm trễ hay không thể thực hiện trách nhiệm trong hợp đồng này bởi bất kỳ sự cố hỏng hóc của máy móc, dữ liệu, trao đổi thông tin, thiên tai hay bất kỳ sự kiện nào vượt khỏi sự kiểm soát của Vietbank hoặc là do hậu quả của sự gian lận hay giả mạo;
- 12.4 Không thể tiếp cận dữ liệu và/hoặc thông tin từ Thẻ; và
- 12.5 Khiếm khuyết, hỏng hóc của hàng hóa và dịch vụ mà Chủ thẻ mua hoặc sử dụng. Vietbank được miễn trừ khỏi bất kỳ tổn thất về danh dự và/hoặc uy tín của Chủ thẻ, bao gồm cả trường hợp Giao dịch bị từ chối, Thẻ bị thu hồi hay Hợp đồng bị chấm dứt.

## 13. Điều khoản bất khả kháng

- 13.1 Không bên nào sẽ chịu trách nhiệm cho bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ phần nào của Hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó bị gây ra bởi cháy nổ, bão lụt, chiến tranh, cấm vận, yêu cầu của chính phủ, quân đội, thiên tai, hay các nguyên nhân khác tương tự vượt khỏi tầm kiểm soát của mỗi bên và không có lỗi hay cấu thả của bên chậm trễ hay vi phạm.
- 13.2 Bên chịu ảnh hưởng sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi sự bắt đầu của bất cứ nguyên nhân nào kể trên sẽ tác động lên việc thực hiện nghĩa vụ của mình.
- 13.3 Trong trường hợp việc thực thi Hợp đồng của một bên chậm trễ trong một thời hạn quá 30 (ba mươi) ngày từ ngày kết thúc sự kiện bất khả kháng thì bên không bị ảnh hưởng sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng này và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào (tuy nhiên phải hoàn tất các nghĩa vụ đến hạn tính từ ngày liền kề ngày kết thúc sự kiện bất khả kháng).

## 14. Xử lý tra soát, khiếu nại

- 14.1 Thời hạn tối đa tiếp nhận khiếu nại giao dịch lần một là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch để nghị tra soát, khiếu nại hoặc ngày bút toán (ghi nợ) giao dịch để nghị tra soát, khiếu nại ghi nợ vào tài khoản thẻ. Đối với trường hợp khiếu nại giao dịch lần thứ 02 (hai), thời hạn tối đa tiếp nhận khiếu nại giao dịch là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Vietbank phản hồi kết quả khiếu nại lần thứ nhất.
- 14.2 Thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại tại Vietbank tối đa không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc đối với thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc không quá 60 (sáu mươi) ngày làm việc đối với thẻ có BIN do TCTQT cấp kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ thẻ hoặc từ ngày giao dịch khiếu nại được ghi nợ vào Tài khoản của Chủ thẻ. Trong trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo thỏa thuận này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc tiếp theo, Vietbank sẽ thỏa thuận với Chủ thẻ về phương án xử lý cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên.
- 14.3 Vietbank thực hiện hoàn trả số tiền giao dịch khiếu nại trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả hoàn tiền cho Chủ thẻ.
- 14.4 Trong mọi trường hợp khiếu nại không thành công, chủ thẻ chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất về tài chính đối với các giao dịch được thực hiện trên thẻ Chip mà chủ thẻ cho là giao dịch giả mạo.
- 14.5 Chủ thẻ có trách nhiệm xuất trình thẻ cho Vietbank để phục vụ công tác tra soát khiếu nại khi có yêu cầu.
- 14.6 Trong trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Vietbank sẽ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Chủ thẻ về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Việc xử lý tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có kết luận, Vietbank thỏa thuận với Chủ thẻ về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.
- 14.7 Vietbank không chịu trách nhiệm đối với các khiếu nại, yêu cầu tra soát các giao dịch có giá trị nhỏ hơn 25 USD (hai mươi lăm đô la Mỹ) hoặc có giá trị tương đương (theo tỷ giá quy định của các TCTQT) tại các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí theo quy định của các TCTQT (ví dụ: hàng không, dịch vụ thuê xe, đi tàu biển, đi tàu hỏa, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, đại lý du lịch ...), và các giao dịch thẻ có giá trị nhỏ hơn 10 USD (mười đô la Mỹ) hoặc có giá trị tương đương (theo tỷ giá quy định của các TCTQT) tại các loại hình ĐVCNT khác. Vietbank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào với Chủ thẻ về các tổn thất, thiệt hại liên quan đến giao dịch Thẻ trong trường hợp ĐVCNT từ chối thẻ mà nguyên nhân không phải là lỗi của Vietbank hoặc do lỗi của Chủ thẻ trong quá trình sử dụng thẻ và/hoặc do chủ thẻ vi phạm thỏa thuận được quy định trong Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ Tín dụng này.
- 14.8 Trường hợp Vietbank, Chủ thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.



## 15. Chấm dứt sử dụng thẻ

### 15.1 Chấm dứt bởi Vietbank

- Vietbank có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ trước hạn mà không cần báo trước cho Chủ thẻ trong các trường hợp sau:

- Chủ thẻ có một hoặc một số khoản vay và/hoặc Thẻ chuyển sang nợ quá hạn tại Vietbank và/hoặc tại các Tổ chức tín dụng khác và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ. Việc xem xét Chủ thẻ có nguy cơ không có khả năng trả nợ là tùy theo nhận định của Vietbank;
- Việc duy trì HMTTD, theo nhận định của Vietbank, dẫn đến Vietbank vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Chủ thẻ cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp HMTTD;
- Chủ thẻ chết mà không có người thừa kế;
- Chủ thẻ bị mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
- Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào hoặc theo quy định của TCTQT.
- Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Chủ thẻ theo nhận định của Vietbank.
- Các quy định khác trong từng thời kỳ của Vietbank.

- Khi Vietbank chấm dứt sử dụng thẻ của Chủ thẻ, Vietbank sẽ tiến hành đồng thời việc thu hồi Thẻ chính và (các) Thẻ phụ (nếu có), đồng thời áp dụng các biện pháp để thu hồi các khoản nợ (gốc, lãi, phí, phạt) và các khoản phải thanh toán của Chủ thẻ với Vietbank theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Vietbank và Chủ thẻ.

- Thụ yêu cầu về việc chấm dứt sử dụng thẻ/hủy thẻ sẽ được xem là biên bản thanh lý việc sử dụng của Chủ thẻ với điều kiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Vietbank của Chủ thẻ hoàn thành.

- Sau thời hạn yêu cầu thanh toán được Vietbank thể hiện trong thông báo về việc chấm dứt sử dụng thẻ mà Chủ thẻ không thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số Dư nợ theo yêu cầu, thì Vietbank sẽ chuyển toàn bộ Dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định của pháp luật và áp dụng các biện pháp để xử lý, thu hồi nợ và các chi phí có liên quan.

### 15.2 Chấm dứt bởi Chủ thẻ

- Ngoại trừ các trường hợp chấm dứt bởi Vietbank, việc chấm dứt sử dụng Thẻ còn được tiến hành khi có thông báo bằng văn bản bởi Chủ thẻ chính thể hiện mong muốn đóng Tài khoản qua việc thanh toán đầy đủ Dư nợ trên Tài khoản cùng với các nghĩa vụ thanh toán khác.

- Việc chấm dứt sử dụng Thẻ có hiệu lực khi Chủ thẻ đáp ứng các điều kiện sau:

- Chủ thẻ thanh toán hết Dư nợ và giá trị của các giao dịch chưa được ghi nợ vào tài khoản thẻ (nếu có);
- Tất cả khiếu nại (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Thẻ đã được giải quyết xong; và
- Chủ thẻ đã hoàn tất các nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng Thẻ với Vietbank.

- Tài sản đảm bảo của Chủ thẻ sẽ được giải chấp sau khi việc chấm dứt sử dụng Thẻ có hiệu lực.

### 15.3 Việc chấm dứt sử dụng Thẻ không ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng này. Các nội dung của Hợp đồng này vẫn có giá trị ràng buộc đối với các bên.

### 15.4 Bất kỳ khoản dư có nào của Tài khoản đã được đóng mà không có người nhận, sau 06 (sáu) tháng sẽ trở thành tài sản của Vietbank.

## 16. Từ chối thanh toán thẻ:

### 16.1 Vietbank phải từ chối thanh toán thẻ trong các trường hợp sau:

- Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định tại Điều 1.37 của Điều khoản và Điều kiện này;
- Thẻ đã được chủ thẻ thông báo bị mất;
- Thẻ hết hạn sử dụng;
- Thẻ bị khóa.

### 16.2 Vietbank được từ chối thanh toán thẻ theo thỏa thuận trong các trường hợp sau:

- Số dư tài khoản thanh toán, hạn mức tín dụng hoặc hạn mức thấu chi còn lại (nếu có) không đủ chi trả khoản thanh toán;
- Chủ thẻ quy phạm các quy định của Vietbank trong các thỏa thuận của chủ thẻ với Vietbank mà theo đó thẻ bị từ chối thanh toán.

## 17. Vietbank, ĐVCNT và các cơ quan pháp luật có quyền tạm khóa, thu giữ thẻ hoặc hủy hiệu lực của thẻ trong các trường hợp sau:

- Thẻ giả;
- Thẻ sử dụng trái phép;
- Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật.
- Các trường hợp thu giữ thẻ khác được thỏa thuận.

## 18. Vietbank hoàn trả lại số tiền được nạp trên thẻ trả trước chưa sử dụng hết khi có yêu cầu của Chủ thẻ trong những trường hợp sau:

- Thẻ bị hỏng do lỗi kỹ thuật;
- Số dư của thẻ trả trước định danh chưa sử dụng và Chủ thẻ yêu cầu hoàn trả lại tiền.

## 19. Trao đổi bằng điện thoại

Chủ thẻ đồng ý rằng bằng cách gọi điện thoại hay chấp nhận cuộc gọi từ Vietbank hay bất kỳ bên thứ ba được ủy quyền nào, Vietbank hoặc bên thứ ba được ủy quyền có thể, tùy theo sự quyết định của mình, ghi âm lại tất cả những trao đổi của Chủ thẻ qua điện thoại. Như thế, Chủ thẻ đồng ý rằng những trao đổi được ghi âm lại đó có thể được Vietbank hay bất kỳ bên thứ ba nào sử dụng vì bất kỳ mục đích gì, bao gồm sử dụng làm bằng chứng trong quá trình tố tụng giải quyết tranh chấp hoặc trong các thủ tục hành chính.

## 20. Thông báo

### 20.1 Các kênh thông báo cho Chủ thẻ

- Qua đường bưu điện.
- Qua thư điện tử, fax.
- Qua tin nhắn tự động, điện thoại trực tiếp, gửi trực tiếp.
- Qua website chính thức của Vietbank.
- Các hình thức khác theo quy định của Vietbank trong từng thời kỳ.

### 20.2 Thời gian thông báo

Thông báo được xem như đã được gửi cho Chủ thẻ, cụ thể:

- Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi (theo dấu bưu điện) nếu gửi bằng thư.
- Vào ngày gửi đi nếu gửi bằng fax, thư điện tử.
- Vào ngày nhận nếu gửi qua tin nhắn tự động, điện thoại trực tiếp, gửi trực tiếp.
- Vào ngày công bố trên website chính thức của Vietbank.
- Vào ngày Vietbank thực hiện thông báo công khai theo hình thức khác.

## HẠN MỨC THẺ TÍN DỤNG, HẠN MỨC GIAO DỊCH

## 21. Tăng/giảm HMTTD

Vietbank có quyền quyết định tăng hoặc giảm HMTTD đã áp dụng cho Chủ thẻ và thông báo cho Chủ thẻ về sự điều chỉnh này.

## 22. Hạn mức giao dịch:

Hạn mức giao dịch Thẻ là hạn mức giao dịch tối đa mà Chủ thẻ được phép giao dịch trong 01 (một) lần/ngày/kỳ lập TBGD, bao gồm: hạn mức giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, hạn mức giao dịch rút tiền mặt, hạn mức giao dịch thanh toán trực tuyến. Hạn mức giao dịch, được Vietbank quy định cụ thể trong từng thời kỳ.

## THANH TOÁN DƯ NỢ

### 23. Tất cả các Giao Dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Vietbank chậm nhất vào Ngày trả trước số tiền tối thiểu được ghi trên TBGD

- Việc tự động thanh toán cũng có thể được thực hiện trong trường hợp Chủ thẻ có tài khoản tiền gửi tại bất kỳ tổ chức nào mà Vietbank thỏa thuận về việc ghi nợ tự động để thu nợ từ tài khoản. Chủ thẻ phải đảm bảo rằng bất kỳ tài khoản thanh toán chỉ định nào phải có đủ số dư để thanh toán cho các khoản nợ. Nếu số tiền trong tài khoản thanh toán chỉ định này, vào ngày Vietbank thực hiện trích tiền theo thỏa thuận, không đủ để trích nợ theo tỷ lệ đã đăng ký, Vietbank có quyền nhưng không bắt buộc thực hiện trích tiền vào (các) ngày làm việc tiếp theo, hoặc trích số dư khả dụng trong tài khoản thanh toán để thanh toán nợ.

- Chủ thẻ phải thanh toán trực tiếp hoặc gián tiếp đối với số tiền nợ còn lại đúng thời hạn và chịu tất cả các khoản phí, phạt, tiền lãi, nếu có.

- Trong trường hợp sau Ngày trả trước số tiền tối thiểu được ghi trên TBGD mà Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền tối thiểu thì Vietbank có quyền tự động trích hoặc phong tỏa các tài khoản tiền gửi/tiết kiệm của chủ thẻ tại Vietbank (mà không cần có sự thỏa thuận, chấp nhận trước giữa Vietbank và Chủ thẻ).

### 24. Thứ tự ưu tiên thanh toán dư nợ:

Việc thanh toán của Chủ thẻ được thực hiện theo thứ tự thời gian phát sinh giao dịch và theo thứ tự ưu tiên thanh toán số Dư nợ như sau:

- Số tiền phí của kỳ trước.
- Số tiền lãi của kỳ trước.
- Số tiền giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Số tiền giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ của kỳ trước.
- Số tiền phí trong kỳ.
- Số tiền lãi trong kỳ.
- Số tiền giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Số tiền giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong kỳ.

Trường hợp Dư nợ của Chủ thẻ chuyển nợ quá hạn thì việc thanh toán nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

### 25. Giao dịch ngoại hối

Chủ thẻ phải thanh toán bằng đồng Việt Nam đối với các Giao dịch được thực hiện bằng ngoại tệ. TCTQT hoặc Vietbank sẽ quy đổi số tiền ngoại tệ này bằng cách sử dụng tỷ giá thị trường ngân hàng được xác định bởi Vietbank hoặc những quy định của TCTQT. Vietbank sẽ áp dụng phí quy đổi ngoại tệ.

### 26. Phương thức tính lãi suất Thẻ

26.1 Lãi phát sinh được tính trên Dư nợ gốc theo phương thức dư nợ giảm dần kể từ ngày phát sinh Giao dịch thẻ, phí, lãi cho đến ngày toàn bộ Dư nợ gốc được thanh toán.

26.2 Điều kiện miễn lãi của giao dịch Thẻ: phải đáp ứng đồng thời 3 điểm dưới đây:

- Loại Dư nợ áp dụng: dư nợ của các giao dịch phát sinh trong kỳ, bao gồm:
  - Dư nợ của giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ;
  - Dư nợ của giao dịch thanh toán trực tuyến;
  - Các giao dịch khác được Vietbank quy định từng thời kỳ.

b. Điều kiện áp dụng: tại thời điểm phát sinh giao dịch, Thẻ phải đáp ứng một trong ba điều kiện sau:

- Dư nợ đầu kỳ bằng 0, hoặc
- Dư nợ đầu kỳ của các loại giao dịch được liệt kê tại Điểm a. Khoản 26.2 không bị tính lãi và Chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ trước chậm nhất vào Ngày trả trước số tiền tối thiểu, hoặc
- Trường hợp dư nợ đầu kỳ của các loại giao dịch được liệt kê tại Điểm a. Khoản 26.2 bị tính lãi, trước thời điểm phát sinh giao dịch mới, Chủ thẻ đã thanh toán toàn bộ Dư nợ và lãi dự thu tính đến thời điểm thanh toán Dư nợ.

c. Chủ thẻ thanh toán toàn bộ dư nợ của kỳ TBGD kế tiếp chậm nhất vào Ngày trả trước số tiền tối thiểu của kỳ TBGD kế tiếp.

26.3 Lãi suất: mức lãi suất được Vietbank quy định trong từng thời kỳ.

26.4 Vietbank có quyền điều chỉnh mức lãi suất trong từng thời kỳ và sẽ thông báo cho Chủ thẻ qua các kênh thông báo được quy định tại Điều 20.1.

### 27. Chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn

27.1 Đến hết ngày lập TBGD của kỳ thứ ba (03), nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền tối thiểu của kỳ TBGD thứ nhất (01), Tài khoản thẻ của Chủ thẻ sẽ chuyển sang nợ quá hạn, số dư nợ quá hạn là số tiền còn lại chưa được thanh toán của Số tiền tối thiểu của kỳ TBGD thứ hai (02). Từ thời điểm này, Vietbank có quyền từ chối các giao dịch phát sinh (nếu có) của tất cả các Thẻ của Chủ thẻ cho đến khi Chủ thẻ thanh toán đủ số dư nợ quá hạn.

27.1 Đến hết ngày lập TBGD của kỳ thứ năm (05), nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền tối thiểu của kỳ TBGD thứ nhất (01), Vietbank sẽ chuyển toàn bộ tổng dư nợ sang dư nợ quá hạn và áp dụng Lãi suất quá hạn theo quy định của Vietbank.

27.1 Sau khi chuyển nợ quá hạn Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Vietbank có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ Dư nợ;
- Áp dụng Lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Vietbank;
- Tiến hành áp dụng một hoặc nhiều biện pháp để thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện Chủ thẻ;
- Trong trường hợp này, Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang Vietbank sẽ thay mặt Chủ thẻ để ký bất kỳ/tất cả tài liệu và thực hiện bất kỳ/tất cả các hành động cần thiết để thu nợ của Chủ thẻ;
- Đưa tên của Chủ thẻ vào danh sách các Chủ thẻ vi phạm (hoặc các loại danh sách tương tự) của Vietbank, của bất kỳ cơ quan nhà nước hoặc của tổ chức nào khác, theo quyền quyết định của Vietbank; và
- Có quyền ưu tiên so với các chủ nợ khác trong việc thu hồi nợ, theo thủ tục hợp pháp, truy đòi bất kỳ khoản nợ bằng việc giữ lại bất kỳ số tiền hoặc bất kỳ tài sản thuộc quyền sở hữu của Chủ thẻ và đồng chủ sở hữu (nếu có) được giữ bởi Vietbank hoặc Vietbank thay mặt cho Chủ thẻ và đồng chủ sở hữu (nếu có). Trong đó, chủ sở hữu và đồng chủ sở hữu (nếu có) đã đồng ý bằng văn bản cho phép Vietbank thu hồi nợ.

## CÁC LOẠI PHÍ

### 28. Bên cạnh lãi suất, Chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các loại phí sau đây:

28.1 Phí phát hành: là phí được thu trên mỗi Thẻ phát hành mới.

28.2 Phí thường niên: là phí ban đầu và phí định kỳ duy trì Thẻ hằng năm.

28.3 Phí rút tiền mặt: được tính trên số tiền ghi nợ của giao dịch rút tiền mặt. Phí này chưa bao gồm các phí được thu tại ĐVCNT hoặc tại ATM.

- 28.4 Phí vấn tin tài khoản: được thu khi Chủ thẻ thực hiện vấn tin Tài khoản thẻ.
- 28.5 Phí in sao kê tài khoản: được thu khi Chủ thẻ thực hiện in sao kê Tài khoản thẻ.
- 28.6 Phí thay đổi hạng Thẻ: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi sang hạng Thẻ khác.
- 28.7 Phí thay đổi HMTTD tạm thời: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu tăng HMTTD tạm thời.
- 28.8 Phí thay đổi HMTTD: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi HMTTD.
- 28.9 Phí thay đổi hình thức bảo đảm sử dụng Thẻ: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi hình thức bảo đảm.
- 28.10 Phí thanh lý thẻ: được thu khi Chủ thẻ thanh lý thẻ trước ngày hết hạn của thẻ.
- 28.11 Phí thay Thẻ: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu thay thế Thẻ trước ngày hết hạn của Thẻ.
- 28.12 Phí báo mất Thẻ: được thu khi Chủ thẻ thông báo cho Vietbank việc Thẻ bị thất lạc, mất cắp, khi Chủ thẻ không hoàn lại Thẻ cho Vietbank khi làm thủ tục hủy Thẻ, gia hạn Thẻ, thay Thẻ.
- 28.13 Phí cấp lại PIN: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu tạo PIN mới hoặc yêu cầu Vietbank cấp lại số PIN mới.
- 28.14 Phí chưa trả trước số tiền tối thiểu: được tính trên Số tiền tối thiểu còn lại khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền tối thiểu chậm nhất vào Ngày trả trước số tiền tối thiểu.
- 28.15 Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu cấp thêm bản sao hóa đơn giao dịch.
- 28.16 Phí cấp lại TBGD: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu cấp lại TBGD.
- 28.17 Phí gửi TBGD: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu gửi TBGD hàng tháng qua đường bưu điện.
- 28.18 Phí khiếu nại: được thu khi Chủ thẻ khiếu nại không đúng hoặc không chính xác Giao dịch Thẻ.
- 28.19 Phí chuyển đổi ngoại tệ: được áp dụng đối với các giao dịch khác VND, được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch đó được ghi nợ vào tài khoản Thẻ.
- 28.20 Phí xử lý giao dịch: được áp dụng đối với các giao dịch khác VND, được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch đó được ghi nợ vào tài khoản Thẻ.
- 28.21 Phí hoàn lại dư có: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu hoàn lại số dư có trong Thẻ tín dụng.
- 28.22 Phí xác nhận thông tin Thẻ: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu xác nhận các thông tin về Thẻ của Chủ thẻ.
- 28.23 Phí dịch vụ giao Thẻ hoặc PIN theo yêu cầu: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu giao Thẻ hoặc PIN tận tay, chỉ áp dụng đối với Thẻ hoặc PIN được phát hành lại từ lần thứ hai trở đi.
- 28.24 Phí dịch vụ tin nhắn SMS: được thu khi Chủ thẻ gửi tin nhắn SMS để đề nghị Vietbank xử lý các yêu cầu về Thẻ.
- 28.25 Phí dịch vụ đặc biệt: được thu khi Chủ thẻ yêu cầu Vietbank thực hiện các yêu cầu đặc biệt.
- 28.26 Các phí khác: bao gồm các phí được thu khi Chủ thẻ sử dụng dịch vụ liên quan đến Thẻ được cung cấp bởi Vietbank và/hoặc các tổ chức Thẻ trong nước và quốc tế.

Phí sẽ được tính toán theo tỷ lệ phần trăm được xác định trước hoặc với một mức phí cố định tối thiểu, hoặc bao gồm cả hai.

Tất cả các phí được ghi nợ vào Tài khoản của Chủ thẻ, ngay lập tức hay vào TBGD kế tiếp tùy theo từng trường hợp.

Chi tiết các loại phí được quy định trong Biểu phí của Vietbank. Biểu phí là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này. Vietbank có quyền thay đổi Biểu phí, hoặc bất kỳ phí nào mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ.

## ĐIỀU KHOẢN KHÁC

### 29. Thẻ phụ

Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu Vietbank phát hành Thẻ phụ. Số lượng Thẻ phụ tối đa có thể thay đổi tùy theo quy định của Vietbank. Việc phát hành Thẻ phụ sẽ thuộc quyền quyết định và lựa chọn của Vietbank. Việc sử dụng Thẻ phụ sẽ là bằng chứng của sự biết trước và đồng ý của Chủ thẻ chính.

Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ cùng chịu trách nhiệm chung và mỗi người chịu trách nhiệm riêng trong việc thực hiện các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ giữa Chủ thẻ và Vietbank. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm với Vietbank về việc sử dụng thẻ của chủ thẻ phụ, có trách nhiệm thanh toán cho Vietbank tất cả các giao dịch thẻ có chữ ký của chủ thẻ chính và chủ thẻ phụ trên hoá đơn cũng như có sử dụng số PIN. Trường hợp Chủ thẻ chính bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi thì việc thanh toán cho Vietbank và việc thừa hưởng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của chủ thẻ chính hoặc số tiền còn lại trên thẻ trả trước định danh được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### 30. Sửa đổi điều khoản và điều kiện

a. Bằng việc chấp nhận các quy định tại Hợp đồng này thông qua việc sử dụng Thẻ, Chủ thẻ đồng ý rằng Vietbank có quyền sửa đổi, bổ sung những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, bao gồm các phí và lãi suất của Thẻ bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo trước khi có hiệu lực cho Chủ thẻ bằng các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ Chủ thẻ đã cung cấp cho Vietbank hoặc công bố trên website của Vietbank hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Vietbank.

b. Các sửa đổi, bổ sung có giá trị nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi sự sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trừ khi Chủ thẻ phản đối bằng cách biểu lộ ý định chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo điều kiện được quy định tại Điều 15.2 trong vòng 05 (năm) ngày kể từ Vietbank thông báo việc sửa đổi, bổ sung.

### 31. Khước từ quyền lợi, nghĩa vụ từ việc vi phạm Hợp Đồng

Không có sự từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ từ việc vi phạm bất kỳ điều khoản và điều kiện nào của Hợp đồng này sẽ tạo thành sự từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ từ vi phạm tương tự hay những vi phạm các điều khoản hoặc điều kiện khác. Việc không tận dụng hay không thực hiện các quyền được cho phép theo thỏa thuận này sẽ không hình thành việc khước từ quyền hạn, nghĩa vụ nêu trên hay sẽ không được diễn giải là giải trừ cho Chủ thẻ khỏi việc tuân thủ hoặc thực hiện các điều khoản và điều kiện đó.

### 32. Sự riêng biệt

Nếu bất kỳ các điều khoản và điều kiện hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Hợp đồng này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không buộc thực hiện bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì những điều đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện khác, một phần hoặc tất cả khoản mục của tài liệu này.

### 33. Chuyển nhượng

Vietbank có quyền chuyển nhượng hay chuyển giao bằng hình thức khác toàn bộ hay một phần quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này đối với bên thứ ba bằng việc thông báo trước cho Chủ thẻ. Chủ thẻ sẽ thực hiện bất kỳ hành động nào hay chấp nhận tài liệu nào khi Vietbank có thể hướng dẫn để tác động đến việc chuyển nhượng và chuyển giao được quy định trong điều khoản này.

### 34. Luật điều chỉnh

Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Việt Nam về việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ.

### 35. Tranh chấp

Trường hợp có tranh chấp mà các bên không thể giải quyết được bằng thương lượng thì việc tranh chấp sẽ được đưa ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo luật pháp của Việt Nam.

### 36. Gia hạn Thẻ tín dụng

Khi Thẻ sắp hết hạn sử dụng, Vietbank có quyền nhưng không có nghĩa vụ thông báo cho Chủ thẻ về việc gia hạn Thẻ qua thư, điện thoại hoặc các hình thức khác. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo hoặc tin nhắn, nếu Vietbank không nhận được phản hồi của Chủ thẻ về việc không tiếp tục sử dụng Thẻ, đồng nghĩa với việc Chủ thẻ đồng ý tiếp tục sử dụng Thẻ, khi đó, Thẻ mới sẽ được Vietbank gửi đến cho Chủ thẻ theo địa chỉ đã đăng ký. Vietbank không chịu trách nhiệm về việc Thẻ bị thất lạc, bị mất, đánh cắp hay lạm dụng trong trường hợp này.